brother
at your side

MỰC RẺ iN KHỎE

CHÍNH HÃNG

Hộp mực **TNB027** *

250.000đ

DÒNG MÁY IN
LASER **TONER BOX**
THẾ HỆ MỚI

GIẢM CHI PHÍ, KHÔNG GIẢM CHẤT LƯỢNG

Hộp mực không chính hãng thường không đảm bảo được tiêu chuẩn sản xuất và điều này có thể dẫn đến việc chất lượng mực in, bản in bị ảnh hưởng, gây giảm tuổi thọ máy và chi phí vận hành tốn kém. Ngoài ra, việc bảo hành của máy in sẽ bị ảnh hưởng, dẫn đến việc phát sinh chi phí bảo trì về lâu dài.

Sử dụng mực in chính hãng của Brother để hoàn toàn yên tâm trong suốt quá trình sử dụng máy in. Chất lượng bản in sắc nét, tiết kiệm chi phí với giá mực hợp lý, hiệu suất cao đem đến hiệu quả tuyệt đối.

DCP-B7640DW

VẬT TƯ TIÊU HAO CHÍNH HÃNG	VẬT TƯ TIÊU HAO KHÔNG CHÍNH HÃNG
Bản in chất lượng cao	Bản in chất lượng kém
Ít yêu cầu bảo dưỡng (GIÁ THẤP)	Thường xuyên phải bảo dưỡng (GIÁ CAO)
Bảo hành đầy đủ	Không áp dụng bảo hành
Chi phí vận hành thấp	Chi phí vận hành cao
Tuổi thọ máy lâu dài	Tuổi thọ máy ngắn

In ấn hiệu quả với chi phí đầu tư thấp nhất

Mặc dù chi phí ban đầu của mực không chính hãng có thể thấp hơn nhưng với thiết kế không phù hợp hoặc chất lượng kém có thể làm giảm hiệu suất. Điều này dẫn đến chi phí bảo trì cao, chất lượng in kém và thậm chí thời gian sửa chữa lâu hơn.

Mực in chính hãng thế hệ mới của Brother có thể giải quyết những vấn đề này. Hộp mực được cung cấp với giá hợp lý mà vẫn đảm bảo chất lượng cùng hiệu suất cao nhất cho từng bản in.

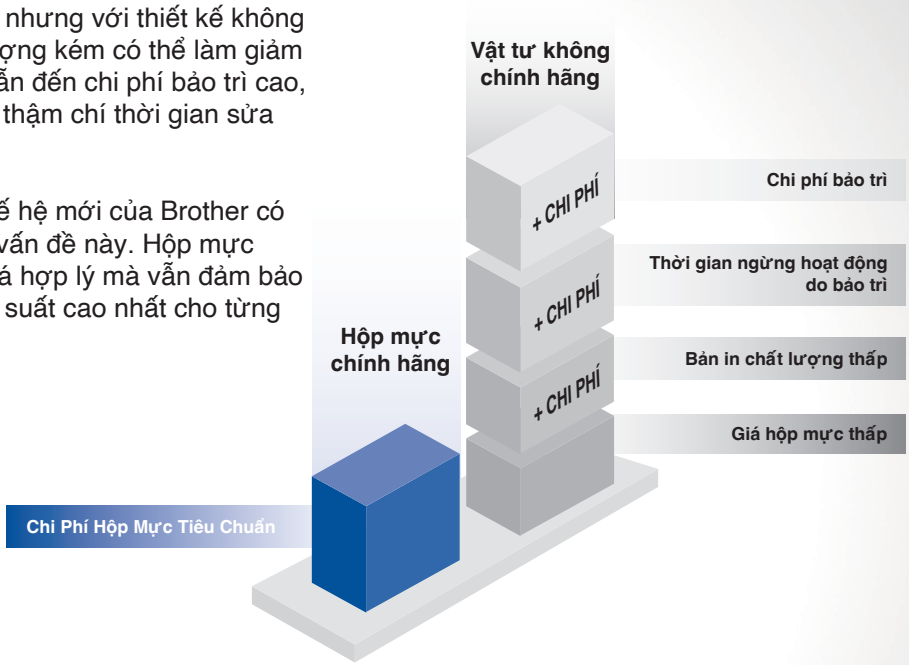

WE ARE THE WORLD'S #1

A4 Laser MFP (Multi-Function Printer) and Printer (Mono +30ppm)

4 Consecutive Years

(from 2018 to 2022)

*IDC Quarterly Hardcopy Peripherals Tracker, 2023 Q2

DCP-B7640DW

	DCP-B7620DW	DCP-B7640DW	MFC-B7810DW
Chức Năng Chính	**In, Scan và Copy**	**In, Scan và Copy**	**In, Scan, Copy và Fax**
Tốc độ in (A4/Letter)	Lên đến 34/36 trang/phút	Lên đến 34/36 trang/phút	Lên đến 34/36 trang/phút
Độ Phân Giải In	Lên đến 1,200 x 1200 dpi	Lên đến 1,200 x 1200 dpi	Lên đến 1,200 x 1200 dpi
Thời Gian In Bản Đầu Tiên (Từ Chế Độ Sẵn Sàng)	Ít hơn 8.5 giây	Ít hơn 8.5 giây	Ít hơn 8.5 giây
Tính Năng In 2 Mặt	Có	Có	Có
Chức Năng Copy			
Tốc Độ Copy (A4/Letter)	Lên đến 34/36 trang/phút	Lên đến 34/36 trang/phút	Lên đến 34/36 trang/phút
Độ Phân Giải Copy	600 x 600 dpi	600 x 600 dpi	600 x 600 dpi
Tỷ Lệ Thu Nhỏ/Phóng To	25% - 400% với mức tăng 1%	25% - 400% với mức tăng 1%	25% - 400% với mức tăng 1%
Tính Năng Copy	Copy nhiều bản: Sort/Stack, N in 1	Copy nhiều bản: Sort/Stack, N in 1	Copy nhiều bản: Sort/Stack, N in 1
Chức Năng Scan			
Tốc Độ Scan (Đơn Sắc/Màu) [i]	Từ Flabed A4: 2.39 giây/7.2giây Letter: 2.25giây/6.8giây	22.5/7.5 trang/phút	22.5/7.5 trang/phút
Công nghệ Scan	CIS	CIS	CIS
Độ Phân Giải (Quang Học/Nội Suy)	Tối đa 1,200 x 1,200 dpi/Max. 19,200 x 19,200 dpi	Tối đa 1,200 x 1,200 dpi/Max. 19,200 x 19,200 dpi	Tối đa 1,200 x 1,200 dpi/Max. 19,200 x 19,200 dpi
Tính Năng Scan To	Sharepoint (Windows only), E-mail, Image, OCR, File	Sharepoint (Windows only), E-mail, Image, OCR, File, FTP, FTPS	Sharepoint (Windows only), E-mail, E-mail Server, Image, OCR, File, FTP, FTPS
Chức Năng Fax			
Tốc Độ Modem	-	-	33,600bps (Fax)
Tốc Độ Truyền	-	-	Xấp xỉ. 2.5giây. (ITU-T Test Chart, Std resolution, JBIG)
Bộ Nhớ Nhận Khi Hết Giấy	-	-	Lên đến 400 trang (ITU-T Test Chart, Standard Resolution, JBIG)
Tốc Độ Quay Số	-	-	200 vị trí
Quay Số Nhanh	-	-	20 nhóm
Gửi Fax hàng loạt	-	-	260 vị trí
PC Faxing	-	-	Receiving (Window only) Sending (Windows, Linux) (LPR/CUPS PC-FAX Send Driver)
Khả Năng Kết Nối			
Cổng Giao Tiếp	Hi-Speed 2.0, Ethernet (10Base-T/100Base-TX, Wi-Fi Direct, Wireless Lan (2.4GHz/5.0GHz)	Hi-Speed 2.0, Ethernet (10Base-T/100Base-TX, Wi-Fi Direct, Wireless Lan (2.4GHz/5.0GHz)	Hi-Speed 2.0, Ethernet (10Base-T/100Base-TX, Wi-Fi Direct, Wireless Lan (2.4GHz/5.0GHz)
Giải Pháp In Từ Thiết Bị Di Động	AirPrint, Mopria, Mobile Connect	AirPrint, Mopria, Mobile Connect	AirPrint, Mopria, Mobile Connect
Xử Lý Giấy			
Khay Giấy Chuẩn	250 tờ	250 tờ	250 tờ
Khay Nạp Giấy Thủ Công	1 tờ	1 tờ	1 tờ
Khay Giấy Ra (Mặt Úp Xuống)	120 tờ	120 tờ	120 tờ
Khay Nạp Tài Liệu Tự Động (ADF)	-	50 tờ	50 tờ
Định Lượng Giấy (Khay Giấy Chuẩn/ Khay Nạp Giấy Thủ Công)	60 đến 163g/m^2 60 đến 230g/m^2	60 to 163g/m^2 60 to 230g/m^2	60 to 163g/m^2 60 to 230g/m^2
Kích Cỡ Giấy (Khay Giấy Chuẩn)	A4, Letter, B5(JIS), B5(ISO), A5, A5(Long Edge), B6(JIS), A6, Executive, Legal, A4 Short, Folio, Mexico Legal, India Legal	A4, Letter, B5(JIS), B5(ISO), A5, A5(Long Edge), B6(JIS), A6, Executive, Legal, A4 Short, Folio, Mexico Legal, India Legal	A4, Letter, B5(JIS), B5(ISO), A5, A5(Long Edge), B6(JIS), A6, Executive, Legal, A4 Short, Folio, Mexico Legal, India Legal
Các Chức Năng Khác			
Tốc Độ Bộ Xử Lý	600MHz	600MHz	600MHz
Bộ Nhớ	256MB	256MB	256MB
Giả Lập	PCL6, BR-Script3, PDF Version 1.7	PCL6, BR-Script3, PDF Version 1.7	PCL6, BR-Script3, PDF Version 1.7
Màn Hình Hiển Thị	LCD 2 dòng (16 ký tự)	LCD 2 dòng (16 ký tự)	LCD 2 dòng (16 ký tự)
Hệ Điều Hành Hỗ Trợ	Windows 10, 11, Server 2012 (Network only), Server 2012 R2 (Network only), Server 2016 (Network only), Server 2019 (Network only), Server 2022 (Network only) Linux: CUPS, LPD/LPRng (x86/x64 environment)	Windows 10, 11, Server 2012 (Network only), Server 2012 R2 (Network only), Server 2016 (Network only), Server 2019 (Network only), Server 2022 (Network only) Linux: CUPS, LPD/LPRng (x86/x64 environment)	Windows 10, 11, Server 2012 (Network only), Server 2012 R2 (Network only), Server 2016 (Network only), Server 2019 (Network only), Server 2022 (Network only) Linux: CUPS, LPD/LPRng (x86/x64 environment)
Tiện Ích Và Giải Pháp	BRAdmin Light: Windows (by Download); BRAdmin Pro4: Windows (by Download)	BRAdmin Light: Windows (by Download); BRAdmin Pro4: Windows (by Download)	BRAdmin Light: Windows (by Download); BRAdmin Pro4: Windows (by Download)
Tính Năng Bảo Mật	Network Security	Network Security	Setting Lock, Network Security
Mức Tiêu Thụ Điện Năng (Chế độ In/ Chế độ Im Lặng)	Xấp xỉ 470W/270W	Xấp xỉ 470W/270W	Xấp xỉ 470W/270W
Nguồn Điện	220-240V AC 50/60Hz	220-240V AC 50/60Hz	220-240V AC 50/60Hz
Mức Độ Ồn (Chế độ In/ Chế độ Im Lặng) [ii]	LpAm = 49 dB(A)/44 dB(A)	LpAm = 49 dB(A)/44 dB(A)	LpAm = 49 dB(A)/44 dB(A)
Vật Tư			
Hộp Mực Chuẩn [iii]	TNB027: 2,600 trang	TNB027: 2,600 trang	TNB027: 2,600 trang
Trống Từ	DRB027: 12,000 trang	DRB027: 12,000 trang	DRB027: 12,000 trang
Kích Thước và Trọng Lượng			
Kích Thước (Rộng x Dài x Cao)	410 ×399 ×272 mm	410 ×399 ×319 mm	410 ×399 ×319 mm
Trọng Lượng	10.5kg	11.8kg	12.0kg

	HL-B2100D	HL-B2180DW
Chức Năng Chính	**In**	**In**
Tốc độ in (A4/Letter)	Lên đến 34/36 trang/phút	Lên đến 34/36 trang/phút
Độ Phân Giải In	Lên đến 1,200 x 1,200 dpi	Lên đến 1,200 x 1,200 dpi
Thời Gian In Bản Đầu Tiên (Từ Chế Độ Sẵn Sàng)	Ít hơn 8.5 giây	Ít hơn 8.5 giây
Tính Năng In 2 Mặt	Có	Có
Khả Năng Kết Nối		
Cổng Giao Tiếp	Hi-Speed 2.0	Hi-Speed 2.0, Ethernet (10Base-T/100Base-TX, Wi-Fi Direct, Wireless Lan (2.4GHz/5.0GHz)
Giải Pháp In Từ Thiết Bị Di Động	-	AirPrint, Mopria, Mobile Connect
Xử Lý Giấy		
Khay Giấy Chuẩn	250 tờ	250 tờ
Khay Nạp Giấy Thủ Công	1 tờ	1 tờ
Khay Giấy Ra (Mặt Úp Xuống)	150 tờ	150 tờ
Định Lượng Giấy (Khay Giấy Chuẩn/ Khay Nạp Giấy Thủ Công)	60 đến 163g/m^2 60 đến 230g/m^2	60 đến 163g/m^2 60 đến 230g/m^2
Kích Cỡ Giấy (Khay Giấy Chuẩn)	A4, Letter, B5(JIS), B5(ISO), A5, A5(Long Edge), B6(JIS), A6, Executive, Legal, A4 Short, Folio, Mexico Legal, India Legal	A4, Letter, B5(JIS), B5(ISO), A5, A5(Long Edge), B6(JIS), A6, Executive, Legal, A4 Short, Folio, Mexico Legal, India Legal
Các Chức Năng Khác		
Tốc Độ Bộ Xử Lý	600MHz	600MHz
Bộ Nhớ	128MB	128MB
Màn Hình Hiển Thị	LCD 1 dòng (16 ký tự)	LCD 1 dòng (16 ký tự)
Hệ Điều Hành Hỗ Trợ	Window 10, 11 Linux: CUPS, LPD/LPRng (x86/x64 environment)	Windows 10, 11, Server 2012, Server 2012 R2, Server 2016, Server 2019, Server 2022, Linux: CUPS, LPD/LPRng (x86/x64 environment)
Tiện Ích Và Giải Pháp	BRAdmin Pro4: Windows (by Download)	BRAdmin Light: Windows (by Download); BRAdmin Pro4: Windows (by Download)
Tính Năng Bảo Mật	Setting Lock	Setting Lock, Network Security
Mức Tiêu Thụ Điện Năng (Chế độ In/ Chế độ Im Lặng)	Xấp xỉ 470W/270W	Xấp xỉ 470W/270W
Nguồn Điện	220-240V AC 50/60Hz	220-240V AC 50/60Hz
Mức Độ Ồn (Chế độ In/ Chế độ Im Lặng) [ii]	LpAm = 49 dB(A)/44 dB(A)	LpAm = 49 dB(A)/44 dB(A)
Vật Tư		
Hộp Mực Chuẩn [iii]	TNB027: 2,600 trang	TNB027: 2,600 trang
Trống Từ	DRB027: 12,000 trang	DRB027: 12,000 trang
Kích Thước và Trọng Lượng		
Kích Thước (Rộng x Dài x Cao)	356 × 360 ×183 mm	356 × 360 ×183 mm
Trọng Lượng	7.5kg	7.5kg

[i] Công bố theo tiêu chuẩn ISO/IEC17991
[ii] Công bố theo tiêu chuẩn ISO7779
[iii] Công bố theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752
[iv] Thông tin chính xác tại thời điểm xuất bản và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Công ty TNHH Brother International (Việt Nam)
Hồ Chí Minh: Tầng 5, Tòa nhà Minh Long, 17 Bà Huyện Thanh Quan, P. Võ Thị Sáu, Q.3
ĐT: (028) 6 290 8787 | Fax: (028) 6 290 8786
Hà Nội: Tầng 5, Số 352 Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | ĐT: (024) 3 972 071
Website: www.brother.com.vn | **Tổng đài CSKH: 1900 6062**

Tất cả thông số kỹ thuật chính xác tại thời điểm in và có thể thay đổi. Brother là thương hiệu của Brother Industries Ltd.
Tất cả nhãn hiệu được tham chiếu ở đây đã đăng ký hoặc là tài sản của của các công ty tương ứng.